

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **47** /2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày **10** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 82/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2025 về dự thảo Quyết định quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng.

Điều 2. Mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa

1. Mức nộp tiền:

Mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa = 60% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa

Trong đó:

- Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Giá của loại đất trồng lúa được tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Khoản tiền được nộp vào ngân sách Nhà nước như sau:

a) Tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách tỉnh: Tài khoản 7111; Chương của đơn vị nộp tiền (nếu có); Tiểu mục: 4914.

b) Tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế nộp vào ngân sách tỉnh: Tài khoản 7111; Chương của đơn vị nộp tiền (nếu có); Tiểu mục: 4947.

3. Trình tự, thủ tục nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (kể cả tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp) thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. / *ho*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NNMT;
- Cục kiểm tra VB và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực XIII;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIII;
- Báo Phú Yên, Đài PT-TH Phú Yên;
- Trung tâm Truyền thông-VP UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phg, H

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo